

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45 /2019/HS-ST

Ngày 14 - 11 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Trí; Ông A Nam Thị;

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/TLST – HS ngày 23-8-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 07-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST-QĐ ngày 25/10/2019 đối với bị cáo:

Ngô Duy Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/02/1992 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Đình Ch (đã chết) và bà Đoàn Thị K; có vợ là Tạ Thu Th và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Về nhân thân: Theo Quyết định khởi tố bị can số 87 ngày 18/10/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Kon Tum đã khởi tố Ngô Duy Đ về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”; Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

Anh Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1970 và chị Tạ Thị H, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ (mới): Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+/Anh Tạ Hoài Ph, sinh năm 1986; Anh Tạ Đình Th, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

+/Anh Phan Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam G, tỉnh Gia Lai);

+/ Anh Trần Thế V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

+/Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

+/Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

+/Anh Bùi Văn H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum;

+/Ông Phan Viết T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

(Chị Tạ Thị H, anh Tạ Hoài Ph, anh Phan Thanh T, anh Trần Thế V, anh Phạm Thanh T, anh Trần Văn Ph, anh Bùi Văn H, ông Phan Viết T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Phan Viết Đ, anh Tạ Đình Th vắng mặt không lý do).

Người làm chứng: Chị Tạ Thu Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8 năm 2018 gia đình anh Nguyễn Viết Đ và chị Tạ Thị H có việc về quê tại Nam Định. Trước khi đi anh Đ gửi lại chìa khóa nhà ở thôn Đ, xã X cho em vợ là Tạ Hoài Ph và nhờ Ph vận chuyển một số đồ dùng trong căn nhà đó về cất giữ để sau này Ngân hàng đến niêm phong nhà thì không lấy đồ ra được (do anh Đ và chị H đã thế chấp tài sản là đất có xây dựng nhà ở trên cho Ngân hàng). Đến khoảng đầu tháng 9 năm 2018 chị H gọi điện, nhắn tin cho em gái là Tạ Thu Th nói Th nhắc mấy người em trai là Tạ Hoài Ph, Tạ Đình Th, Tạ Đình L và em rể Ngô Duy Đ (chồng của Th) nhanh chóng dọn chuyển đồ trong nhà giúp anh chị do sắp đến ngày Ngân hàng niêm phong. Sau nhiều lần nhắc thì Ph, Th, L, Đ mới đến dọn nhà giúp, họ mang đi một số đồ dùng như ti vi, tủ lạnh, bàn thờ, ghế và các đồ dùng sinh hoạt khác về cất giữ tại nhà Ph. Sau đó do Ph có con nhỏ không đi thu dọn tiếp

được, Ph đưa lại chìa khóa nhà cho Ngô Duy Đ để tiếp tục dọn chuyển đồ. Trong lúc dọn chuyển đồ Đ liên lạc qua điện thoại cho chị H hỏi bán các đồ dùng như tủ gỗ, bàn gỗ, cửa nhôm kính và các đồ dùng khác trong nhà thì được chị H đồng ý. Đ nghĩ nhà tới sẽ bị Ngân hàng niêm phong không thuộc về anh Đ, chị H nữa nên nảy sinh ý định tháo các cánh cửa gỗ trong nhà để mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Đ gọi cho Phan Thanh T ở thị trấn P và Trần Thế V ở xã P nói dối là anh chị Đ, H nhờ bán nên nhờ T và V tháo phụ cửa rồi chào bán giúp. T và V thấy Đ có chìa khóa mở cửa nhà nên không nghi ngờ gì. Lần đầu Đ và T tháo 07 cánh cửa phòng bằng gỗ (không nhớ chính xác cửa phòng nào), Đ gọi thuê xe của Phạm Thanh T chở 07 cánh cửa đến để nhà T nhờ bán. Vài ngày sau T đã bán 06 cánh cửa cho ông Phan Viết T với giá 10.000.000đ, số tiền bán được T đã đưa lại cho Đ. Lần thứ hai, cách lần thứ nhất khoảng ba, bốn ngày Đ đưa chìa khóa nhà cho T và V đến tự tháo 07 cánh cửa, gồm 04 cánh cửa chính, 03 cánh cửa phòng, không nhớ cụ thể phòng nào. Sau khi T và V tháo xong cửa thì lúc này Đ chở khách xong quay về (Đ làm nghề lái xe taxi) thì gặp Trần Văn Ph là bạn lái xe ô tô đi ngang qua, Đ liền nhờ Ph chở giúp số cửa T và V vừa tháo về nhà V để giao cho V và T bán. Ít ngày sau Tạ Đình Th có ghé qua nhà anh Đ, chị H xem còn gì thì dọn chuyển tiếp, lúc này Th phát hiện bị mất một số cửa nên đã tháo các cánh cửa còn lại gồm 01 bộ cửa chính 04 cánh, 06 cánh cửa sổ còn lại mang về nhà cất giữ giùm anh chị Đ, H. Đến ngày 01/10/2018 vợ chồng anh Đ, chị H trở về nhà thấy bị tháo mất hết cửa nên làm đơn trình báo cơ quan chức năng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định được số tài sản mà Đ chiếm đoạt trái phép bao gồm: 01 bộ cửa chính 04 cánh, 04 cánh cửa phòng ngủ, 02 cánh cửa phòng bếp, 04 cánh cửa phòng vệ sinh, đều là gỗ gỗ.

Tại biên bản định giá ngày 06/02/2019 và bản kết luận định giá số 210/KL-HĐ ngày 06/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 04 cánh cửa chính giống nhau giá 2.987.000đ/01 cánh; 04 cánh cửa phòng ngủ giống nhau giá 2.460.000đ/01 cánh; 02 cánh cửa phòng bếp giống nhau giá 3.007.000đ/01 cánh; 04 cánh cửa phòng vệ sinh giống nhau giá 2.953.500đ/01 cánh. Tổng giá trị 39.616.000đ (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 40/CT- VKS-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Ngô Duy Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của

Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên trả lại số tài sản theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/9/2019 giữa Cơ quan Điều tra công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N cho anh Đ và chị H. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tách phần yêu cầu dân sự của anh Nguyễn Viết Đ và anh Phan Thanh T để xét xử sau theo quy định pháp luật. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

-Tại phiên tòa bị cáo Ngô Duy Đ thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo khai số tài sản là 06 cánh cửa sổ bằng gỗ trước khi bán bị cáo đã trao đổi hỏi ý kiến chị H, được chị H đồng ý cho bán vì những cánh cửa gỗ này nằm khuất sát phía tường nhà người địa phương. Còn 14 cánh cửa gỗ khác bị cáo tự ý bán vì nghĩ nhà tới bị niêm phong sẽ thuộc về Ngân hàng, lấy sẽ không thiệt hại gì cho anh Đ, chị H nên mới lấy bán. Những tài sản là đồ dùng trong gia đình đã được chị H đồng ý bán, bị cáo cũng đã chuộc lại số tài sản này giao cho cơ quan điều tra để trả lại cho anh Đ, chị H. Bị cáo đã trả cho mẹ Phan Thanh T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bị cáo không yêu cầu gì về dân sự.

- Anh Nguyễn Viết Đ khai: Trước khi vợ chồng anh về quê có giao chìa khóa nhà lại cho em vợ là Tạ Hoài Ph. Trong việc Đ tham gia dọn chuyển tài sản, bán tài sản cụ thể thì anh không biết. Đ đã khắc phục lắp lại toàn bộ số cửa gỗ lấy. Yêu cầu Đ trả lại số tiền bán các đồ dùng tài sản khác trong nhà và bồi thường 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) anh đã nộp phạt tại Cơ quan Thi hành án dân sự. Yêu cầu xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Chị Tạ Thị H khai: Trước khi vợ chồng về quê, anh Đ giao chìa khóa nhà cho Ph, không biết Ph giao lại chìa khóa nhà cho Đ. Thừa nhận có điện thoại, nhắn tin nhờ Đ cùng các em trai trong gia đình đến dọn chuyển đồ đi nơi khác để. Chị đồng ý cho Đ bán các tài sản, đồ dùng để trong nhà như tủ, bàn ghế, thùng phi...; Đ có hỏi chị về bán 03 bộ cửa sổ bằng gỗ nhưng chị không đồng ý cho Đ bán bất cứ cánh cửa gỗ nào trong nhà. Số tiền bán tài sản, đồ dùng trong nhà và bán 06 cánh cửa sổ gỗ Đ đã trả nợ giúp chị và mua hàng hóa cho chị. Đ đã khắc phục chuộc lắp lại toàn bộ các cánh cửa gỗ đã lấy. Trả lại các tài sản khác mặc dù số tài sản này

được sự đồng ý của chị cho bán. Chị không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Đ.

- Anh Tạ Hoài Ph khai: Anh Đ giao chìa khóa nhà cho anh để dọn chuyển đồ trong nhà, vì bận con nhỏ anh không tiếp tục tham gia dọn chuyển đồ được nữa nên giao chìa khóa nhà lại cho Đ. Giữa Đ và chị H trao đổi bán tài sản như thế nào anh không biết.

- Anh Tạ Đình Th khai: Vào khoảng tháng 9 năm 2018 anh vào nhà anh Đ, chị H để xem còn đồ gì thì chuyển, khi vào anh phát hiện một số cánh cửa gỗ bị mất nên có nói với anh Ph và điện nói cho anh Đ biết. Sau đó anh cùng Đ đã tháo các cánh cửa gỗ còn lại gồm 04 cánh cửa chính và 06 cánh cửa sổ mang về nhà cất giữ đợi khi anh Đ, chị H vào trả lại.

- Anh Phan Thanh T, anh Trần Thế V khai: Khoảng giữa tháng 9 năm 2018 Ngô Duy Đ nhờ T và V tìm xem ai mua bán giúp một số tài sản trong đó có một số cánh cửa gỗ. Khi nhờ bán Đ nói là chủ nhà cho bán để chuẩn bị niêm phong, phát mãi nhà và những tài sản này không dùng đến nữa. Thấy Đ có chìa khóa nhà lại tháo cửa vào ban ngày nên anh T, anh V không nghi ngờ gì cả. Anh T tham gia tháo bán cùng Đ 07 cánh cửa gỗ, số tiền bán được anh đã đưa lại cho Đ 10.500.000đ; khi bị phát hiện Đ đã chuộc lại cửa nhưng chưa trả lại tiền cho anh. Anh T yêu cầu Đ trả lại cho anh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh V tham gia tháo, bán cùng Đ và T 07 cánh cửa gỗ. Những cánh cửa này Đ đã lấy lại để trả cho chủ nhà. Anh V không yêu cầu trách nhiệm dân sự gì đối với Đ.

Anh Phạm Thanh T, anh Trần Văn Ph là những người chở thuê, chở giúp các cánh cửa gỗ khai: Khi chở các cánh cửa gỗ hoàn toàn không biết đó là những tài sản do phạm tội mà có.

- Ông Phan Viết T, anh Bùi Văn H khai: Ông T khi mua 06 cánh cửa gỗ của Phan Thanh T, cũng như Bùi Văn H mua 06 cánh cửa sổ của Ngô Duy Đ đều không biết gì về nguồn gốc các tài sản này. Không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự

- Chị Tạ Thu Th là người làm chứng khai và cung cấp một số tin nhắn giữa chị và chị Tạ Thì H về việc chị H nhờ chị nói Ph, Th, L, Đ dọn chuyển đồ trong nhà và nhờ Đ bán được tài sản gì trong nhà thì bán.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo lại mới

sinh con, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa cải tạo tốt, sau này chấp hành xong án sẽ không bao giờ phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngô Duy Đ thừa nhận nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản sau khi chị H đồng ý cho Đ bán 06 cánh cửa sổ bằng gỗ nằm khuất sát tường phía nhà người địa phương. Không đồng ý cho Đ bán các cánh cửa gỗ khác nhưng Đ vẫn tháo bán 14 cánh cửa gỗ vì nghĩ nhà anh Đ, chị H sắp bị niêm phong, phát mãi thuộc về Ngân hàng, lấy sẽ không thiệt hại gì cho anh Đ, chị H.

Trước khi về quê anh Đ chủ sở hữu giao chìa khóa nhà cho anh Ph, sau đó Đ lại được anh Ph giao lại chìa khóa nhà để dọn chuyển đồ. Trong thời gian dọn chuyển đồ giữa Đ và chị H là vợ anh Đ, cũng là đồng sở hữu căn nhà trao đổi qua điện thoại và giao cho Đ bán các tài sản trong gia đình như tủ, bàn ghế, thùng phi...; Ngoài bán các tài sản chị H cho phép Đ còn tự ý tháo bán 14 cánh cửa gỗ gồm: 04 cánh cửa chính; 04 cánh cửa phòng ngủ; 02 cánh cửa phòng bếp; 04 cánh cửa phòng vệ sinh không được sự cho phép của anh Đ, chị H để lấy tiền chiếm đoạt riêng cho mình.

Hành vi của Đ xuất phát từ giao dịch, hợp đồng dân sự, vì là người thân trong gia đình (bị cáo là em rể của anh Ph và chị H), lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của người quản lý hợp pháp tài sản là anh Ph giao chìa khóa nhà, chị H chủ sở hữu giao bán tài sản, đồ dùng trong nhà. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi tự ý tháo bán 14 cánh cửa gỗ khi không được sự cho phép của chủ sở hữu là bị cáo đã có lỗi cố ý xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản, với mục đích vụ lợi, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là 39.616.000đ (Ba mươi chín triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến thay đổi tội danh từ tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đề nghị xét xử bị cáo sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử thì Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng đã ấn định bị cáo có thể bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử có quyền xử và kết tội bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo đúng hành vi bị cáo đã thực hiện.

Đối với 06 cánh cửa sổ bằng gỗ Đ khai đã được chị H đồng ý cho bán, vì nằm khuất sát phía tường nhà người địa phương. Chị H cho rằng Đ có hỏi nhưng chị không đồng ý cho bán với lý do nhà đã thế chấp cho Ngân hàng. Giữa hai bên trao đổi qua điện thoại, không có ai chứng kiến hay chứng cứ khác để chứng minh. Hơn nữa số tiền bán 06 cánh cửa sổ cùng các tài sản trong nhà Đ đã dùng trả lãi và mua tượng gỗ cho chị H nên không đủ cơ sở buộc Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về bán 06 cánh cửa sổ này.

[3] Đối với hành vi tham gia của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Anh Phan Thanh T, anh Trần Thế V tham gia tháo cửa và bán cửa giúp Đ; Anh Phạm Thanh T, anh Trần Văn Ph là những người chở thuê, chở giúp và mua cửa; Ông Phan Viết T mua cửa, những người này đều không biết đó là tài sản do Đ chiếm đoạt mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Bùi Văn H mua 06 cánh cửa sổ, do không đủ cơ sở để buộc Đ chiếm đoạt 06 cánh cửa sổ này, hơn nữa khi H mua cũng không biết về nguồn gốc 06 cánh cửa sổ nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Khi thấy mất một số cánh cửa anh Tạ Đình Th đã báo với anh Ph và chủ sở hữu là anh Đ để tháo các cánh cửa còn lại là 04 cánh cửa chính và 06 cánh cửa sổ mang về nhà cất giữ hộ, không có mục đích chiếm đoạt và không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản: Lần thứ nhất bị cáo cùng T tháo, bán 07 cánh cửa vào khoảng 11 giờ trưa; Lần hai, cách ba bốn ngày sau bị cáo cùng T và V tháo, bán 07 cánh cửa vào khoảng 17 giờ chiều. Bị cáo không nhớ ngày, chỉ nhớ

khoảng giữa tháng 9 năm 2018, không nhớ số lượng từng loại cửa tháo bán theo ngày. Tính mỗi lần tháo, bán 07 cánh cửa đều có giá trên 4.000.000đ. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử, bị cáo thể hiện “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; Sau khi bị phát hiện bị cáo chuộc hết lại các cánh cửa gỗ lắp trả đầy đủ cho người bị hại, thể hiện “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả”; Cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

[5] Về áp dụng hình phạt: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ; Tuy nhiên bị cáo lại bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, hiện nay đang bị khởi tố về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy”, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn so với định mức quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Vì vậy không thể áp dụng khoản 2 Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để đảm bảo giáo dục cải tạo bị cáo. Xét điều kiện gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Các tài sản gồm: 03 thùng phi (01 thùng bằng kim loại, 02 thùng bằng nhựa), 02 tủ quần áo bằng gỗ ép, 01 tủ nhôm, 01bệ rửa mặt, 01 bàn gỗ ép, 01 ghế xoay đều đã qua sử dụng. Đây là những tài sản chị H giao cho Đ bán, không phải những tài sản Đ chiếm đoạt nên không phải là vật chứng của vụ án. Sau khi sự việc phạm tội xảy ra Đ chuộc lại hết các cánh cửa lắp trả lại; đồng thời cũng chuộc các tài sản này giao cho cơ quan điều tra để trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy trả lại ngay những tài sản này cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Tạ Thị H theo khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền bán 14 cánh cửa gỗ được 14 triệu đồng, Đ đã thêm tiền cá nhân để chuộc lại cửa hết hơn 20 triệu đồng. Vì vậy không tịch thu số tiền mà Đ bán cửa có được.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Viết Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bán các tài sản trong nhà và yêu cầu Đ bồi thường 14.000.000đ đã nộp phạt tại Cơ quan Thi hành án dân sự. Anh Đ chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho việc nộp phạt. Phan Thanh T yêu cầu Đ trả lại số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa Đ khai

đã trả cho mẹ T 10.000.000đ. Anh Đ và T đều không có mặt tại phiên tòa, gây trở ngại cho việc giải quyết về phần dân sự nên cần tách phần yêu cầu dân sự của anh Đ và T để xét xử sau theo quy định của pháp luật, theo khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, để nộp Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng và tách phần giải quyết dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Duy Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt Ngô Duy Đ 09 (chín) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại ngay các tài sản gồm: 03 thùng phi (01 thùng bằng kim loại, 02 thùng bằng nhựa), 02 tủ quần áo bằng gỗ ép, 01 tủ nhôm, 01bê rửa mặt, 01 bàn gỗ ép, 01 ghế xoay đều đã qua sử dụng cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Tạ Thị H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tách phần yêu cầu dân sự của anh Nguyễn Viết Đ và anh Phan Thanh T đối với bị cáo để xét xử sau theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc Ngô Duy Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-11-2019). Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản

án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở các ủy ban nhân dân thị trấn P đối với anh Đ, chị H, anh Ph, anh Th, anh T, ông T; Ủy ban nhân dân xã Y đối với anh V, anh Ph; Ủy ban nhân dân xã Đ đối với anh T; Ủy ban nhân dân xã S đối với anh H, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bị hại
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra; THAHS;
- Nhà tạm giữ (giam)
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo